

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2026/KDTM-ST
Ngày: 27-3-2026
V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Tấn Phước
- Bà Kim Thị Sà Mết

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Nguyễn, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Hồng Xuân, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2025/TLST-KDTM ngày 22 tháng 10 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-KDTM ngày 22 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần V1. Địa chỉ: Số A T, phường N, thành phố Cần Thơ. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Văn V. Địa chỉ: Số A T, phường N, thành phố Cần Thơ (xin vắng mặt).

- Bị đơn: Công ty TNHH T1. Địa chỉ: Ấp T, xã C, tỉnh Cà Mau. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp M, xã V, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 9 năm 2025 và quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 02/01/2024 giữa Công ty Cổ phần V1 (Sau đây gọi là Công ty V1) và Công ty TNHH T1 (sau đây gọi là Công ty T1) tiến hành ký kết Hợp đồng mua bán số 732/HĐBH.24, với nội dung như sau: Mặt hàng mua bán: Thép, xi măng và Vật liệu xây dựng các loại. Thời gian giao hàng: theo đơn đặt hàng bằng văn bản hoặc bằng điện thoại. Địa điểm giao hàng: hai bên tự thỏa thuận theo từng đơn hàng. Giá trị thanh toán: Thanh toán từng đợt theo khối lượng hàng được nhận. Phương thức thanh toán: thanh toán bằng chuyển khoản/tiền mặt.

Theo yêu cầu đặt hàng của Công ty TNHH T1, phía Công ty V1 đã tiến hành giao hàng và xuất hóa đơn VAT đầy đủ. Ngày 31/3/2025, hai bên cùng tiến hành ký xác nhận Biên bản đối chiếu và xác nhận nợ số 036-03-2025/12 với nội dung: Tính đến hết ngày 31/3/2025, Công ty TNHH T1 còn nợ Công ty Cổ phần V1 số tiền là 320.465.617 đồng (tiền gốc là 239.082.150 đồng, tiền lãi là 81.383.467 đồng) và yêu cầu Công ty TNHH T1 thanh toán số tiền nợ trên.

Từ sau ngày ký Biên bản đối chiếu và xác nhận nợ, mặc dù đã nhiều lần gửi văn bản, liên hệ điện thoại, nhưng đến nay Công ty TNHH T1 vẫn chưa thanh toán tiền.

Tại đơn khởi kiện, Công ty cổ phần V1 yêu cầu Công ty TNHH T1 trả số tiền tính đến ngày 17/12/2025 là 341.266.109 đồng Trong đó: Nợ gốc: 239.082.150 đồng, tiền L chậm trả là: 102.183.642 đồng và tiếp tục tính tiền lãi chậm trả đến khi thanh toán hết số nợ. Nay Công ty V1 xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền theo ngày xuất hóa đơn là ngày 06/02/2025 với số tiền là 6.537.000 đồng. Đối với các khoản tiền theo hóa đơn còn lại, Công ty V1 xin rút một phần yêu cầu mức lãi suất là 6%/năm, tức là chỉ yêu cầu mức lãi suất là 12%/năm đến ngày xét xử. Còn lãi suất giai đoạn thi hành án yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật (10%/năm). Tính đến ngày 27/3/2026, Công ty V1 yêu cầu Công ty T1 trả tổng số tiền 274.041.438 đồng. Trong đó, tiền gốc là 239.082.150 đồng, tiền lãi từ ngày 01/01/2025 đến ngày 27/3/2026 với mức lãi suất 12%/năm trên số tiền nợ 232.545.150 đồng (trừ đi số tiền theo hóa đơn năm 2025 với số tiền 6.537.000 đồng) là 34.959.288 đồng.

** Bị đơn Công ty TNHH T1 trình bày:* Người đại diện theo ủy quyền của Công ty T1 là ông Nguyễn Văn N không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty V1 do giao dịch mua bán là giữa Công ty T1 với Công ty V1 do trước đây ông Nguyễn Minh T làm chủ.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau phát biểu việc tuân theo pháp luật của Tòa án và quan điểm giải quyết vụ án:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty V1 về việc yêu cầu Công ty T2 nhân trả tiền lãi của số tiền 6.537.000 đồng; tiền lãi với mức lãi suất 6%/năm đối với số tiền 232.545.150 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Công ty V1, buộc Công ty T1 trả cho Công ty V1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 27/3/2026 là 274.041.438 đồng. Trong đó, tiền gốc là 239.082.150 đồng, tiền lãi là 34.959.288 đồng. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau đã triệu tập đại diện hợp pháp Công ty T1 hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do; đại diện Công ty V1 vắng mặt và có yêu cầu xin vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người nêu trên.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 trả tiền lãi của số tiền 6.537.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 6%/năm đối với số tiền 232.545.150 đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này.

[3] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Công ty V1 yêu cầu Công ty T1 thanh toán tiền theo hợp đồng mua bán. Giữa Công ty V1 và Công ty T1 có đăng ký kinh doanh và mục đích lợi nhuận. Do đó, đây là tranh chấp về hợp đồng mua bán và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau theo quy định khoản 1 Điều 30, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Xét yêu cầu thanh toán tiền tổng số tiền 274.041.438 đồng. Trong đó, tiền gốc là 239.082.150 đồng, tiền lãi là 34.959.288 đồng.

[4.1] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, Công ty V1 cung cấp Hợp đồng mua bán số 732 ngày 02/01/2024 giữa Công ty V1 và Công ty T1; Hóa đơn giá trị gia tăng và Biên bản giao nhận hàng; Biên bản đối chiếu và xác nhận nợ ngày 31/3/2025.

[4.2] Theo hợp đồng mua bán thể hiện Công ty T2 Nhân mua hàng hóa gồm thép, xi măng và vật liệu xây dựng các loại; thời gian giao hàng theo từng đợt; địa điểm giao hàng theo thỏa thuận. Giá trị thanh toán từng đợt theo khối lượng đã giao nhận. Bên mua phải trả tiền lãi chậm trả bằng mức lãi suất là 12%/năm của số tiền chậm trả. Người đại diện theo pháp luật của Công ty T1 không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty V1 mà cho rằng ông Nguyễn Minh T là chủ Công ty. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/12/2025, ông T xác định có giao dịch mua bán như phía Công ty V1 trình bày và có ký vào Bản đối chiếu và xác nhận nợ đề ngày 31/3/2025. Xét thấy, Công ty V1 cung cấp được các hóa đơn giao hàng, hóa đơn giá trị gia tăng và Biên bản đối chiếu công nợ. Theo hồ sơ đăng ký kinh doanh thì Công ty TNHH T1 đăng ký lần đầu ngày 02/4/2019 do ông Nguyễn Minh T làm đại diện theo pháp luật. Đến ngày 10/9/2024 do ông Nguyễn Văn N làm đại diện pháp luật. Như vậy, hợp đồng mua bán giữa Công ty V1 và Công ty T1 vào ngày 02/01/2024 được các bên ký kết trên tự nguyện, tại thời điểm giao kết hợp đồng mua bán do người đại diện theo pháp luật của Công ty T1 là ông Nguyễn Minh T là đúng quy định. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty V1 yêu cầu Công ty T1 thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 27/3/2026 là 274.041.438 đồng. Trong đó, tiền gốc là 239.082.150 đồng, tiền lãi là 34.959.288 đồng.

[5] Về án phí sơ thẩm: Do có căn cứ chấp nhận yêu cầu thanh toán tiền nợ nên Công ty V1 không phải chịu. Công ty T1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 30, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 217, Điều 228, khoản 1 Điều 273 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 117, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 24, Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần V1 về việc yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 trả tiền lãi của số tiền 6.537.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 6%/năm đối với số tiền 232.545.150 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần V1 về việc yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 thanh toán số tiền là 274.041.438 đồng. Trong đó, tiền gốc là 239.082.150 đồng, tiền lãi là 34.959.288 đồng.

2.1. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần V1 tổng số tiền là 274.041.438 đồng. Trong đó, tiền gốc là 239.082.150 đồng, tiền lãi là 34.959.288 đồng.

2.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày 27/3/2026, Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 còn phải tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi phát sinh cho Công ty Cổ phần V1 theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

3.1. Công ty Cổ phần V1 đã nộp tạm ứng án phí 8.356.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002889 ngày 22 tháng 10 năm 2025 tại Thị hành án dân sự tỉnh Cà Mau nên được hoàn lại toàn bộ.

3.2. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 13.702.072 đồng.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Cà Mau;
- VKSND khu vực 7 – Cà Mau;
- Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Khanh